

Số: 838 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 13 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bổ sung thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài chính cấp tỉnh,
cấp huyện trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 128/TTr-STC ngày 28/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

- 06 (Sáu) thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính.
- 01 (Một) thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

(có Phụ lục gửi kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan rà soát các thủ tục hành chính nội bộ tại Điều 1 Quyết định này, đưa ra phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền thông qua theo quy định.

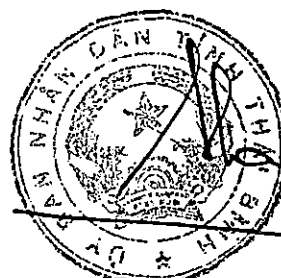
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *Đuật*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH		
1	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	Sở Tài chính	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất. - Văn bản số 591/UBND-KT ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ và Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ
2	Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	Sở Tài chính	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
3	Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh	Sở Tài chính	- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
4	Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.	Sở Tài chính	- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
5	Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý.	Sở Tài chính	- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

6	Quyết định dự án đầu tư công tại nước ngoài (đối với dự án nhóm B, nhóm C)	Sở Tài chính	- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN		
1	Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

PHẦN II. NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

Thủ tục 1: Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Lập báo cáo và đề xuất phương án

Cơ quan, tổ chức, đơn vị lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng hoặc quản lý thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP (trừ các cơ sở nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không thuộc trường hợp thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP) kèm bản sao các hồ sơ pháp lý về nhà, đất và giấy tờ có liên quan đến phương án đề xuất của từng cơ sở nhà, đất để:

a) Gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét sự phù hợp của phương án; tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý theo thẩm quyền;

b) Lập phương án sắp xếp lại, xử lý (trong trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên).

2. Việc lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện theo Mẫu số 01a, Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai, hồ sơ pháp lý về nhà, đất và hồ sơ khác phục vụ việc tổng hợp, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Trường hợp các hồ sơ pháp lý về nhà, đất không có hoặc có nhưng bị thất lạc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có văn bản xác nhận về việc này



và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình; văn bản xác nhận được thay thế cho các hồ sơ không có hoặc bị thất lạc để phục vụ việc tổng hợp, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Cơ quan quản lý cấp trên (cơ quan tổng hợp) tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của phương án, rà soát, đối chiếu hồ sơ pháp lý và các thông tin trong Báo cáo kê khai bảo đảm đầy đủ, chính xác; thời hạn rà soát, đối chiếu tối đa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Bước 2: Kiểm tra hiện trạng, lập và gửi Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng nhà, đất và báo cáo tổng hợp đề xuất phương án, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình, hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án gồm:

a) Văn bản của cơ quan lập phương án về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản chính;

b) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP sau khi đã hoàn thiện: 01 bản chính;

c) Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP: 01 bản chính;

d) Hồ sơ pháp lý về nhà, đất của từng cơ sở nhà, đất hoặc Văn bản xác nhận về việc không có hồ sơ pháp lý hoặc có nhưng bị thất lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản sao;

đ) Hồ sơ liên quan đến phương án (hình thức) sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản sao;

e) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất.
- Văn bản số 591/UBND-KT ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ và Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ

Thủ tục 2: Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ (Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý) để chi trả. Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Quá thời hạn quy định, chủ tài khoản tạm giữ chưa nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán hoặc văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán của cơ quan quản lý tài sản thì chủ tài khoản tạm giữ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình, hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

- Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản chính.

- Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

- Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản là kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cấp tỉnh được xử lý.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Thủ tục 3: Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc UBND các huyện, thành phố lập báo cáo tiền nghiên cứu khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi) gửi Sở Tài chính.

- Bước 2: Sở Tài chính tiếp nhận Hồ sơ.

- Bước 3: Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi).

- Bước 4: Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (Sở Tài chính) gửi hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) lấy ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định.

- Bước 5: Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi).

- Bước 6: Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổng hợp lập Báo cáo thẩm định hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký duyệt báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 7: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1 Thành phần hồ sơ

a) Hồ sơ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) gồm:

(1) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

(2) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi);

(3) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Hồ sơ trình phê duyệt (điều chỉnh) chủ trương đầu tư gồm:

(1) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

(2) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi);

(3) Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi)

(4) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3.2. Số lượng hồ sơ: Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng thẩm định và đơn vị cần xin ý kiến, Sở Tài chính có thể yêu cầu đơn vị lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) cung cấp số lượng hồ sơ theo yêu cầu.

Tùy theo yêu cầu của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

4. Thời hạn giải quyết:

4.1 Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi): Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.2 Thời gian quyết định chủ trương (điều chỉnh chủ trương) đầu tư dự án đầu tư công nhóm A: Theo chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND các huyện, thành phố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết phê duyệt/ điều chỉnh chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/ dự án đầu tư công (mẫu số 01, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

- Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A (mẫu số 06, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi);

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Thủ tục 4: Quyết định/Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (hoặc báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư); gửi Sở Tài chính.

- Bước 2: Sở Tài chính tiếp nhận Hồ sơ.

- Bước 3: Trong 03 ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản gửi hồ sơ lấy ý kiến tham gia của sở, ngành, địa phương đơn vị có liên quan.

- Bước 4: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, các sở, ngành, đơn vị, địa phương gửi văn bản tham gia ý kiến về Sở Tài chính.

- Bước 5: Sở Tài chính tổng hợp ý kiến tham gia, có văn bản yêu cầu đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh, bổ sung. Trường hợp hồ sơ đã đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định, Sở Tài chính xây dựng Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư (không quá 05 ngày làm việc) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình hoặc dịch vụ bưu chính công ích.



3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1 Thành phần hồ sơ

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3.2 Số lượng hồ sơ: Căn cứ số lượng đơn vị cần xin ý kiến, Sở Tài chính có thể yêu cầu đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (hoặc báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư) cung cấp số hồ sơ theo yêu cầu.

4. Thời hạn giải quyết:

4.1 Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (hoặc báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư): Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.2 Thời gian quyết định chủ trương (điều chỉnh chủ trương) đầu tư dự án đầu tư công nhóm A: Theo chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND các huyện, thành phố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết phê duyệt/ điều chỉnh chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/ dự án đầu tư công (mẫu số 01, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ).
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công (mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ)
- Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A (mẫu số 05, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Chương trình đầu tư công đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Thủ tục 5: Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý.

1 Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (hoặc báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư); gửi Sở Tài chính.

- Bước 2: Sở Tài chính tiếp nhận Hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Tài chính có Văn bản gửi xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan.

- Bước 4: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, các sở, ngành, đơn vị, địa phương gửi văn bản tham gia ý kiến về Sở Tài chính.

- Bước 5: Sở Tài chính có Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư (không quá 05 ngày làm việc).

- Bước 6: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án (không quá 05 ngày làm việc).

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

+ Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8 Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án đầu tư công (mẫu số 01, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ).
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công (mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ) hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C (mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư.

11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Thủ tục 5: Quyết định dự án đầu tư công tại nước ngoài (đối với dự án nhóm B, nhóm C).

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Các cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc UBND tỉnh lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; gửi Sở Tài chính.
- Bước 2: Sở Tài chính tiếp nhận Hồ sơ.
- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Tài chính có Văn bản gửi xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan.
- Bước 4: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, các sở, ngành, đơn vị, địa phương gửi văn bản tham gia ý kiến về Sở Tài chính.
- Bước 5: Sở Tài chính có Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư (không quá 05 ngày làm việc).
- Bước 6: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án (không quá 05 ngày làm việc).

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
 - + Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
 - + Các tài liệu liên quan khác (nếu có).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc UBND tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án đầu tư công (mẫu số 01, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công (mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ) hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C (mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN

Thủ tục: Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ (Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý) để chi trả. Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Quá thời hạn quy định, chủ tài khoản tạm giữ chưa nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán hoặc văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán của cơ quan quản lý tài sản thì chủ tài khoản tạm giữ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua Mạng Văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình, hoặc dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

- Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản chính.

- Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

- Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản là kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cấp huyện, cấp xã được xử lý.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp tiền cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

